THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1051/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Văn Ninh

ĐIỀU LỆ
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chức năng của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia là National Technology Innovation Fund, viết tắt là NATIF.

Điều 2. Vị trí pháp lý của Quỹ

Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài, có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 3. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ tài chính

Quỹ hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ, dự án nhằm đổi mới quy trình công nghệ, đổi mới sản phẩm:

1. Chuyển giao công nghệ (gồm cả chuyển giao công nghệ tại Việt Nam và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) được khuyến khích quy định tại Điều 9 của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam.

2. Chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia, sản phẩm công nghệ cao.

3. Nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp.

4. Ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở khu vực nông thôn, miền núi.

6. Đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc tài trợ, cho vay của Quỹ

1. Nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đề xuất xin tài trợ, vay vốn của Quỹ, được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng.

2. Nội dung của nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lắp với các nhiệm vụ, dự án đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Quỹ ưu tiên tài trợ, cho vay để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ theo đặt hàng của nhà nước; dự án và nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, chuyển giao các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến do tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đề xuất.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận các nguồn vốn của Nhà nước; huy động các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ; ban hành các quy định cụ thể phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

3. Tổ chức xét chọn nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ để Quỹ tài trợ, cho vay. Xây dựng quy định về hỗ trợ tài chính và quyết định mức hỗ trợ tài chính một cách minh bạch; kiểm tra, quản lý quá trình triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ được Quỹ hỗ trợ tài chính.

4. Đình chỉ việc tài trợ, cho vay hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, cho vay khi phát hiện tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ; giải quyết các khiếu nại; khởi kiện đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp vi phạm hợp đồng và cam kết với Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

6. Quản lý tổ chức và cán bộ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ.

8. Được sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

Điều 6. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Hội đồng có 9 đến 11 thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý và đại diện tổ chức của doanh nghiệp, hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức điều hành các hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ và theo các quyết định của Hội đồng;

b) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng, phó đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ, Văn phòng đại diện của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

3. Các Phó Chủ tịch và các uỷ viên do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề xuất của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Các Phó chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo Điều lệ Quỹ, các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, phân công của Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ :

a) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước; Phê duyệt kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán năm của Quỹ do Giám đốc Quỹ trình; Phê duyệt kế hoạch và báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ;

b) Ban hành theo thẩm quyền các quy định cần thiết cho hoạt động và quản lý Quỹ; quyết định phương thức tài trợ, cho vay của Quỹ; thành lập hội đồng khoa học và công nghệ, hội đồng tư vấn khác để tư vấn xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ và các vấn đề liên quan khác;

c) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 3 tháng 1 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Giám đốc Quỹ hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị;

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự và phải do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo đa số trên tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung và các quyết định của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ; được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

7. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy của Cơ quan điều hành Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ. Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 8. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ gồm Giám đốc Quỹ, các Phó giám đốc Quỹ, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và các văn phòng đại diện.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;

c) Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

3. Phó giám đốc và kế toán trưởng của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Phó giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công.

4. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ và văn phòng đại diện của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có từ 3 đến 5 thành viên, gồm Trưởng Ban, Phó trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ phải là những người am hiểu về các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng và pháp luật, hoạt động kiêm nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm.

2. Ban kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình thực hiện Điều lệ của Quỹ, các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Hoạt động độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban kiểm soát Quỹ được ủy quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

4. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 10. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn xét chọn nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ. Thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ do Giám đốc Quỹ đề nghị để Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Chương III
NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn cấp từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ:

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000.000.000.000 VNĐ (Một nghìn tỷ đồng) do ngân sách nhà nước về hoạt động khoa học, công nghệ cấp. Quỹ được cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ.

Căn cứ tình hình hoạt động cụ thể của Quỹ, Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tăng vốn điều lệ của Quỹ;

b) Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn.

2. Vốn khác:

a) Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;

b) Vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

c) Lãi cho vay từ các dự án vay vốn của Quỹ;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Vốn của Quỹ được sử dụng để tài trợ, cho vay đối với các đối tượng quy định tại Điều 3 Điều lệ này và chi quản lý hoạt động của Quỹ.

Điều 12. Các phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Tài trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí cho các nhiệm vụ, dự án:

a) Nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp;

b) Ươm tạo công nghệ; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới;

c) Đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ phục vụ việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn kỹ thuật trong nước và quốc tế;

d) Chuyển giao công nghệ, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để phục vụ sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia;

đ) Nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển ở khu vực nông thôn, miền núi theo quy định tại Điều 35, Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vốn vay đối với các nhiệm vụ, dự án:

a) Chuyển giao công nghệ được khuyến khích quy định tại Điều 9 của Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Định mức và danh mục dự án được vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vốn vay do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng, ngân hàng thương mại thực hiện các hình thức hỗ trợ tài chính nêu tại điểm 2.

Điều 13. Xét chọn, đánh giá, dự án

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch của Quỹ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Quỹ thông báo công khai nội dung và các quy định về việc tài trợ, cho vay của Quỹ.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam muốn được tài trợ, được vay phải nộp đơn xin tài trợ, vay theo các quy định của Quỹ.

3. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ để tài trợ, cho vay theo quy định do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Chi phí đánh giá, xét chọn, thẩm định dự án khoa học và công nghệ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

4. Việc tài trợ, cho vay của Quỹ cho các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ được thực hiện theo hợp đồng khoa học và công nghệ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế xét chọn nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ theo nguyên tắc:

a) Nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ được chọn phải phù hợp với quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ này;

b) Tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp sử dụng kinh phí của Quỹ

1. Sử dụng kinh phí đúng mục đích theo dự toán đã được Quỹ phê duyệt.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Quỹ, các chế độ do Quỹ quy định.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ.

4. Tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp được Quỹ hỗ trợ tài chính phải tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chế độ tài chính, kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

3. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính để báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, kiểm tra theo quy định.

4. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

Điều 16. Chi phí hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ

1. Nguồn kinh phí cho các hoạt động của Quỹ:

a) Trích từ phần vốn ngân sách nhà nước cấp để sử dụng theo hình thức hỗ trợ vốn của Quỹ;

b) Lãi từ hoạt động cho vay của Quỹ;

c) Lãi tiền gửi và thu nhập từ các hoạt động nghiệp vụ khác.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về kinh phí hoạt động của Quỹ.

2. Trong 03 năm đầu, khi nguồn thu lãi vốn cho vay và các nguồn thu hợp pháp khác của Quỹ chưa có để chi hoạt động của Quỹ thì Giám đốc Quỹ lập dự toán trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định về kinh phí hoạt động của Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính.

3. Cán bộ, nhân viên của Quỹ được hưởng lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với hoạt động của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

4. Cán bộ kiêm nhiệm, cộng tác viên làm việc cho Quỹ được hưởng theo chế độ của Nhà nước quy định cho cán bộ làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.